

**CÔNG TY
CỔ PHẦN LOGISTICS VINALINK
VÀ CÔNG TY CON**

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT

**Cho giai đoạn tài chính từ ngày 01 tháng 01
đến ngày 30 tháng 06 năm 2014**

MỤC LỤC

	Trang
Báo cáo của Tổng Giám đốc	1 - 3
Báo cáo kết quả công tác soát xét báo cáo tài chính	4
Báo cáo tài chính hợp nhất hợp nhất	
Bảng cân đối kế toán hợp nhất ngày 30 tháng 06 năm 2014	5 - 8
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho giai đoạn tài chính từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 30 tháng 06 năm 2014	9
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho giai đoạn tài chính từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 30 tháng 06 năm 2014	10 - 11
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất	12 - 31

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Logistics Vinalink (dưới đây gọi tắt là “Công ty”) hân hạnh đệ trình báo cáo này cùng với các báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm đã được soát xét của Công ty và công ty con (dưới đây gọi chung là “Tập đoàn”) cho giai đoạn tài chính từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 30 tháng 06 năm 2014.

1. CÁC THÔNG TIN CHUNG

Công ty Cổ phần Logistics Vinalink trước đây là Xí Nghiệp Đại Lý Vận Tải Và Gom Hàng. Ngày 24 tháng 06 năm 1999, Xí Nghiệp được chuyển đổi thành công ty cổ phần có tên gọi là Công ty Cổ phần Giao Nhận Vận Tải Và Thương Mại theo Quyết định số 0776/1999/QĐ/BTM và Giấy chứng nhận Đăng ký kinh doanh lần đầu số 064162 ngày 31 tháng 07 năm 1999 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp. Ngày 22 tháng 05 năm 2014, Công ty Cổ phần Giao Nhận Vận Tải Và Thương Mại được chuyển đổi thành Công ty Cổ phần Logistics Vinalink theo Giấy chứng nhận Đăng ký doanh nghiệp số 0301776205 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp.

Công ty chính thức được niêm yết giao dịch chứng khoán trên Trung tâm giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh theo Quyết định số 90/QĐ-SGDHCM ngày 10 tháng 08 năm 2009 do Sở giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh cấp.

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận Đăng ký doanh nghiệp là 90 tỷ đồng.

Trụ sở chính đăng ký hoạt động kinh doanh của Công ty được đặt tại số 145 -147 Nguyễn Tất Thành, Phường 13, Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh.

Đến thời điểm 30 tháng 06 năm 2014, Công ty có đầu tư vào 01 công ty con.

Các đơn vị trực thuộc tính đến ngày 30 tháng 06 năm 2014 gồm:

- Chi nhánh tại Hà Nội được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh số 0113000049 ngày 29 tháng 12 năm. Sau đó, Giấy chứng nhận này được thay đổi bằng Giấy chứng nhận Đăng ký hoạt động chi nhánh số 0301776205-001 ngày 13 tháng 06 năm 2014 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp.
- Chi nhánh tại Hải Phòng được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh số 0213005696 ngày 22 tháng 09 năm 2009. Sau đó, Giấy chứng nhận này được thay đổi bằng Giấy chứng nhận Đăng ký hoạt động chi nhánh số 0301776205-002 ngày 30 tháng 05 năm 2014 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hải Phòng cấp.

2. THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này của Công ty bao gồm:

<i>Họ tên</i>	<i>Chức danh</i>
Ông Nguyễn Nam Tiến	Chủ tịch
Ông Vũ Thế Đức	Phó Chủ tịch
Bà Trần Thị Bình	Thành viên - Bổ nhiệm ngày 26 tháng 04 năm 2014
Ông Đinh Quang Ngọc	Thành viên - Bổ nhiệm ngày 26 tháng 04 năm 2014
Ông Trương Minh Long	Thành viên - Bổ nhiệm ngày 26 tháng 04 năm 2014

CÔNG TY CỔ PHẦN LOGISTICS VINALINK VÀ CÔNG TY CON

Địa chỉ: Số 145 -147 Nguyễn Tất Thành, Phường 13, Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh

Danh sách các thành viên Ban Kiểm soát trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này của Công ty bao gồm:

<i>Họ tên</i>	<i>Chức danh</i>
Bà Vũ Thị Bình Nguyễn	Trưởng ban
Bà Trang Anh Xuân	Thành viên
Bà Phan Phương Tuyền	Thành viên

Danh sách các thành viên Ban Tổng Giám đốc trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này của Công ty bao gồm:

<i>Họ tên</i>	<i>Chức danh</i>
Ông Nguyễn Nam Tiến	Tổng Giám đốc
Ông Đinh Quang Ngọc	Phó Tổng Giám đốc

3. TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính hợp nhất hằng kỳ phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất cũng như kết quả kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Tập đoàn trong kỳ. Trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ Chuẩn mực kế toán áp dụng cho Tập đoàn có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hợp nhất hay không;
- Lập báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể giả định rằng Tập đoàn sẽ tiếp tục hoạt động liên tục; và
- Thiết kế và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất hợp lý nhằm hạn chế sai sót và gian lận.

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng các sổ sách kế toán được ghi chép phù hợp và lưu giữ đầy đủ để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Tập đoàn tại bất kỳ thời điểm nào và báo cáo tài chính hợp nhất được lập tuân thủ các Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam cũng như các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam. Ban Tổng Giám đốc Công ty cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn tài sản của Tập đoàn và thực hiện những biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc Công ty xác nhận rằng Tập đoàn đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên khi lập báo cáo tài chính hợp nhất.

4. KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Kiểm toán DTL, thành viên của RSM Quốc tế, bày tỏ nguyện vọng tiếp tục được chỉ định kiểm toán báo cáo tài chính cho các năm tài chính tiếp theo của Tập đoàn.

CÔNG TY CỔ PHẦN LOGISTICS VINALINK VÀ CÔNG TY CON

Địa chỉ: Số 145 -147 Nguyễn Tất Thành, Phường 13, Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh

5. CÔNG BỐ BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Tổng Giám đốc Công ty công bố rằng, báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Tập đoàn tại ngày 30 tháng 06 năm 2014, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho giai đoạn tài chính từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 30 tháng 06 năm 2014, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam.

TP. Hồ Chí Minh, ngày 25 tháng 08 năm 2014

TỔNG GIÁM ĐỐC



NGUYỄN NAM TIẾN

36
Đ
H
L
D
T



Số: 15.142/BCSXHN-DTL

BÁO CÁO
KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Kính gửi: Các Cổ đông
CÔNG TY CỔ PHẦN LOGISTICS VINALINK

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét bằng cân đối kế toán hợp nhất vào ngày 30 tháng 06 năm 2014, báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất, báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất và thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho giai đoạn tài chính từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 30 tháng 06 năm 2014 của Công ty Cổ phần Logistics Vinalink (dưới đây gọi tắt là "Công ty") và công ty con (cùng với Công ty dưới đây gọi chung là "Tập đoàn") từ trang 05 đến trang 31 kèm theo. Việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất này thuộc trách nhiệm của Tổng Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra Báo cáo kết quả công tác soát xét về báo cáo tài chính hợp nhất này trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi.

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét báo cáo tài chính hợp nhất theo Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam về công tác soát xét. Chuẩn mực này yêu cầu công tác soát xét phải lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo vừa phải rằng báo cáo tài chính hợp nhất không chứa đựng những sai sót trọng yếu. Công tác soát xét bao gồm chủ yếu là việc trao đổi với nhân sự của Tập đoàn và áp dụng các thủ tục phân tích trên những thông tin tài chính; công tác này cung cấp một mức độ đảm bảo thấp hơn công tác kiểm toán. Chúng tôi không thực hiện công việc kiểm toán nên cũng không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có sự kiện nào để chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo đây không phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu phù hợp với chuẩn mực kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan.

TP. Hồ Chí Minh, ngày 25 tháng 08 năm 2014

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN DTL
KT.TỔNG GIÁM ĐỐC
PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC

KIỂM TOÁN VIÊN



[Handwritten signature in blue ink]

[Handwritten signature in blue ink]

TẶNG QUỐC THẮNG

HÒ NGỌC BẢO

Giấy chứng nhận Đăng ký
hành nghề kiểm toán số 0075-2013-026-1

Giấy chứng nhận Đăng ký
hành nghề kiểm toán số 2136-2013-026-1

CÔNG TY CỔ PHẦN LOGISTICS VINALINK VÀ CÔNG TY CON

Địa chỉ: Số 145 -147 Nguyễn Tất Thành, Phường 13, Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2014

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Cuối kỳ	Đầu năm
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		149.958.506.360	138.052.832.027
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	(5.1)	27.518.610.067	42.537.241.656
1. Tiền	111		16.654.125.269	31.662.396.007
2. Các khoản tương đương tiền	112		10.864.484.798	10.874.845.649
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120			
1. Đầu tư ngắn hạn	121			
2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	129			
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130	(5.2)	115.632.580.244	91.490.286.105
1. Phải thu khách hàng	131		85.634.744.682	65.124.596.541
2. Trả trước cho người bán	132		23.361.196.502	20.040.535.289
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133			
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch HĐXD	134			
5. Các khoản phải thu khác	135		8.990.117.291	8.678.632.506
6. Dự phòng khoản phải thu ngắn hạn khó đòi	139		(2.353.478.231)	(2.353.478.231)
IV. Hàng tồn kho	140			
1. Hàng tồn kho	141			
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149			
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		6.807.316.049	4.025.304.266
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		1.805.072.292	168.375.802
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		64.545.007	52.070.923
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154			
4. Tài sản ngắn hạn khác	158	(5.3)	4.937.698.750	3.804.857.541

(Phần tiếp theo ở trang 6)

CÔNG TY CỔ PHẦN LOGISTICS VINALINK VÀ CÔNG TY CON

Địa chỉ: Số 145 -147 Nguyễn Tất Thành, Phường 13, Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2014

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Cuối kỳ	Đầu năm
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		89.058.546.332	80.785.278.719
I. Các khoản phải thu dài hạn	210			
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211			
2. Vốn kinh doanh ở các đơn vị trực thuộc	212			
3. Phải thu dài hạn nội bộ	213			
4. Phải thu dài hạn khác	218			
5. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219			
II. Tài sản cố định	220		10.333.000.125	11.843.981.719
1. Tài sản cố định hữu hình	221	(5.4)	10.333.000.125	11.843.981.719
+ Nguyên giá	222		31.806.189.568	31.736.334.228
+ Giá trị hao mòn lũy kế	223		(21.473.189.443)	(19.892.352.509)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224			
+ Nguyên giá	225			
+ Giá trị hao mòn lũy kế	226			
3. Tài sản cố định vô hình	227			
+ Nguyên giá	228			
+ Giá trị hao mòn lũy kế	229			
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230			
III. Bất động sản đầu tư	240			
+ Nguyên giá	241			
+ Giá trị hao mòn lũy kế	242			
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250	(5.5)	78.036.578.387	68.307.630.621
1. Đầu tư vào công ty con	251			
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		77.310.428.387	67.581.480.621
3. Đầu tư dài hạn khác	258		726.150.000	726.150.000
4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	259			
V. Tài sản dài hạn khác	260		688.967.820	633.666.379
1. Chi phí trả trước dài hạn	261		243.423.820	195.522.379
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262			
3. Tài sản dài hạn khác	268		445.544.000	438.144.000
VI. Lợi thế thương mại	269			
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		239.017.052.692	218.838.110.746

CÔNG TY CỔ PHẦN LOGISTICS VINALINK VÀ CÔNG TY CON

Địa chỉ: Số 145 -147 Nguyễn Tất Thành, Phường 13, Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2014

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Cuối kỳ	Đầu năm
A. NỢ PHẢI TRẢ	300		78.573.656.554	64.053.908.346
I. Nợ ngắn hạn	310		78.439.880.554	63.817.141.986
1. Vay và nợ ngắn hạn	311			
2. Phải trả người bán	312	(5.6)	42.349.149.120	34.362.623.541
3. Người mua trả tiền trước	313	(5.6)	17.457.817.848	11.393.171.444
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	(5.7)	3.646.012.910	2.535.567.282
5. Phải trả người lao động	315	(5.8)	1.000.000.000	7.517.966.925
6. Chi phí phải trả	316		4.881.567.364	4.185.652.107
7. Phải trả nội bộ	317			
8. Phải trả theo tiến độ kế hoạch HĐXD	318			
9. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	(5.9)	3.805.037.609	1.795.214.984
10. Dự phòng phải trả ngắn hạn	320			
11. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323	(5.10)	5.300.295.703	2.026.945.703
II. Nợ dài hạn	330		133.776.000	236.766.360
1. Phải trả dài hạn người bán	331			
2. Phải trả dài hạn nội bộ	332			
3. Phải trả dài hạn khác	333		133.776.000	236.766.360
4. Vay và nợ dài hạn	334			
5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335			
6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336			
7. Dự phòng phải trả dài hạn	337			
8. Doanh thu chưa thực hiện	338			
9. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	339			
B. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		160.443.396.138	154.784.202.400
I. Vốn chủ sở hữu	410	(5.11.1)	160.443.396.138	154.784.202.400
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		90.000.000.000	90.000.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		5.203.566.453	5.203.566.453
3. Vốn khác của chủ sở hữu	413		6.000.000.000	5.000.000.000
4. Cổ phiếu quỹ	414		(197.133.529)	(197.133.529)
5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415			
6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		(15.790.718)	16.630.843
7. Quỹ đầu tư phát triển	417		2.147.000.708	2.147.000.708
8. Quỹ dự phòng tài chính	418		120.614.035	120.614.035
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		1.794.115.723	1.516.020.327
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420	(5.11.4)	55.391.023.466	50.977.503.563
11. Nguồn vốn đầu tư XDCB	421			
12. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	422			
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430			
1. Nguồn kinh phí	432			
2. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	433			
C. LỢI ÍCH CÔ ĐỒNG THIỂU SỐ	439			
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		239.017.052.692	218.838.110.746

CÔNG TY CỔ PHẦN LOGISTICS VINALINK VÀ CÔNG TY CON

Địa chỉ: Số 145 -147 Nguyễn Tất Thành, Phường 13, Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh

CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2014

CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Cuối kỳ	Đầu năm
1. Tài sản thuê ngoài			
2. Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công			
3. Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gửi, ký cược			
4. Nợ khó đòi đã xử lý			
5. Ngoại tệ + USD		834.307,46	1.315.705,73
6. Dự toán chi sự nghiệp, dự án			

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 25 tháng 08 năm 2014

NGƯỜI LẬP BIỂU

LÊ THỊ THANH THANH

KẾ TOÁN TRƯỞNG

TRẦN THỊ BÌNH

TỔNG GIÁM ĐỐC



NGUYỄN NAM TIẾN

CÔNG TY CỔ PHẦN LOGISTICS VINALINK VÀ CÔNG TY CON

Địa chỉ: Số 145 -147 Nguyễn Tất Thành, Phường 13, Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Cho giai đoạn tài chính từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 30 tháng 06 năm 2014

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Kỳ này	Kỳ trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		309.170.923.750	251.882.531.345
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02			
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	(6.1)	309.170.923.750	251.882.531.345
4. Giá vốn hàng bán	11	(6.2)	293.499.318.573	238.496.570.880
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		15.671.605.177	13.385.960.465
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	(6.3)	5.986.923.114	4.732.180.558
7. Chi phí tài chính	22	(6.4)	5.594.094.373	4.992.164.144
<i>trong đó, chi phí lãi vay</i>	23			
8. Chi phí bán hàng	24			
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	(6.5)	6.324.324.472	6.107.822.369
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		9.740.109.446	7.018.154.510
11. Thu nhập khác	31			454.545.455
12. Chi phí khác	32		31.243.364	172.384.419
13. Lợi nhuận khác	40		(31.243.364)	282.161.036
14. Phần lợi nhuận/(lỗ) trong công ty liên kết, liên doanh	50		8.045.235.558	7.042.981.309
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	60		17.754.101.640	14.343.296.855
16.1 Chi phí thuế TNDN hiện hành	61		1.790.538.992	1.816.107.802
16.2 Chi phí thuế TNDN hoãn lại	62			
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	70		15.963.562.648	12.527.189.053
17.1 Lợi ích của cổ đông thiểu số	71			
17.2 Lợi nhuận sau thuế của cổ đông của Công ty mẹ	72		15.963.562.648	12.527.189.053
18. Lãi cơ bản trên cổ phần của Công ty mẹ	80	(5.11.3)	1.774	1.392

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 25 tháng 08 năm 2014

NGƯỜI LẬP BIỂU

KẾ TOÁN TRƯỞNG

TỔNG GIÁM ĐỐC



LÊ THỊ THANH THANH

TRẦN THỊ BÌNH

NGUYỄN NAM TIẾN

CÔNG TY CỔ PHẦN LOGISTICS VINALINK VÀ CÔNG TY CON

Địa chỉ: Số 145 -147 Nguyễn Tất Thành, Phường 13, Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT*(Theo phương pháp gián tiếp)*

Cho giai đoạn tài chính từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 30 tháng 06 năm 2014

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Kỳ này	Kỳ trước
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		17.754.101.640	14.343.296.855
2. Điều chỉnh cho các khoản				
Khấu hao tài sản cố định	02		1.578.004.950	1.596.805.810
Các khoản dự phòng	03			
Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04			
Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(8.208.155.889)	(8.182.707.623)
Chi phí lãi vay	06			
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	08		11.123.950.701	7.757.395.042
Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(24.670.958.231)	(15.462.832.258)
Tăng, giảm hàng tồn kho	10			
Tăng, giảm các khoản phải trả	11		11.043.631.391	(103.658.104)
(không kể lãi vay phải trả, thuế TNDN phải nộp)				
Tăng, giảm chi phí trả trước	12		(1.684.597.931)	(2.447.495.830)
Tiền lãi vay đã trả	13			
Tiền thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14		(2.522.601.381)	(1.313.340.362)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15		215.000.000	
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16		(343.993.995)	(736.262.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(6.839.569.446)	(12.306.193.512)
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(60.360.000)	(691.563.864)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22			454.545.455
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của các đơn vị khác	23			
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của các đơn vị khác	24			620.000.000
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25			(4.899.983.500)
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26			
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		3.944.694.624	6.273.507.296
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		3.884.334.624	1.756.505.387

(Phần tiếp theo ở trang 11)

CÔNG TY CỔ PHẦN LOGISTICS VINALINK VÀ CÔNG TY CON

Địa chỉ: Số 145 -147 Nguyễn Tất Thành, Phường 13, Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho giai đoạn tài chính từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 30 tháng 06 năm 2014

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Kỳ này	Kỳ trước
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31			
2. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32			
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33			
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34			
5. Tiền chi trả nợ thuế tài chính	35			
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(12.053.878.000)	(7.149.446.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(12.053.878.000)	(7.149.446.000)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50		(15.009.112.822)	(17.699.134.125)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		42.537.241.656	52.804.286.480
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		(9.518.767)	3.011.013
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70		27.518.610.067	35.108.163.368

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 25 tháng 08 năm 2014

NGƯỜI LẬP BIỂU

KẾ TOÁN TRƯỞNG

TỔNG GIÁM ĐỐC

LÊ THỊ THANH THANH

TRẦN THỊ BÌNH

NGUYỄN NAM TIẾN

CÔNG TY CỔ PHẦN LOGISTICS VINALINK VÀ CÔNG TY CON

Địa chỉ: Số 145 - 147 Nguyễn Tất Thành, Phường 13, Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho giai đoạn tài chính từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 30 tháng 06 năm 2014

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo.

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

1.1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Logistics Vinalink (dưới đây gọi tắt là “Công ty”) trước đây là Xí Nghiệp Đại Lý Vận Tải Và Gom Hàng. Ngày 24 tháng 06 năm 1999, Xí Nghiệp được chuyển đổi thành công ty cổ phần có tên gọi là Công ty Cổ phần Giao Nhận Vận Tải Và Thương Mại theo Quyết định số 0776/1999/QĐ/BTM và Giấy chứng nhận Đăng ký kinh doanh lần đầu số 064162 ngày 31 tháng 07 năm 1999 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp. Ngày 22 tháng 05 năm 2014, Công ty Cổ phần Giao Nhận Vận Tải Và Thương Mại được chuyển đổi thành Công ty Cổ phần Logistics Vinalink theo Giấy chứng nhận Đăng ký doanh nghiệp số 0301776205 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp.

Công ty chính thức được niêm yết giao dịch chứng khoán trên Trung tâm giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh theo Quyết định số 90/QĐ-SGDHCM ngày 10 tháng 08 năm 2009 do Sở giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh cấp.

Trụ sở của Công ty được đặt tại số 145 -147 Nguyễn Tất Thành, Phường 13, Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh.

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận Đăng ký doanh nghiệp là 90 tỷ đồng.

Đến thời điểm 30 tháng 06 năm 2014, Công ty có đầu tư vào 01 công ty con, được trình bày tại mục 1.3 dưới đây (cùng với Công ty dưới đây gọi chung là “Tập đoàn”).

Ngoài ra, Đến thời điểm 30 tháng 06 năm 2014 Công ty còn có các đơn vị trực thuộc như sau:

- Chi nhánh tại Hà Nội được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh số 0113000049 ngày 29 tháng 12 năm. Sau đó, Giấy chứng nhận này được thay đổi bằng Giấy chứng nhận Đăng ký hoạt động chi nhánh số 0301776205-001 ngày 13 tháng 06 năm 2014 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp.
- Chi nhánh tại Hải Phòng được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh số 0213005696 ngày 22 tháng 09 năm 2009. Sau đó, Giấy chứng nhận này được thay đổi bằng Giấy chứng nhận Đăng ký hoạt động chi nhánh số 0301776205-002 ngày 30 tháng 05 năm 2014 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hải Phòng cấp.

Tổng số nhân viên của Tập đoàn tại ngày 30 tháng 06 năm 2014 là 353 người (31/12/2013: 347 người).

1.2. Ngành nghề kinh doanh

Theo các Giấy chứng nhận Đăng ký doanh nghiệp, ngành nghề kinh doanh chính của Tập đoàn bao gồm:

- Kinh doanh các dịch vụ: giao nhận vận tải, kho, gom hàng xuất nhập khẩu, dịch vụ thủ tục hải quan;
- Đại lý tàu biển, đại lý lưu cước, quản lý vỏ container cho các hãng tàu;
- Đại lý giao nhận cho các hãng giao nhận vận tải nước ngoài;
- Kinh doanh xuất nhập khẩu, nhận ủy thác xuất nhập khẩu hàng hóa theo quy định của pháp luật;

CÔNG TY CỔ PHẦN LOGISTICS VINALINK VÀ CÔNG TY CON

Địa chỉ: Số 145 - 147 Nguyễn Tất Thành, Phường 13, Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh

- Đại lý vận chuyển hàng hóa;
- Kinh doanh vận tải đa phương thức;
- Kho bãi và lưu trữ hàng hóa;
- Đại lý cho các công ty chuyển phát nhanh nước ngoài;

1.3. Danh sách công ty con được hợp nhất

<u>Tên công ty con</u>	<u>Địa chỉ</u>	<u>Quyền biểu quyết của Công ty mẹ</u>	<u>Tỷ lệ lợi ích của Công ty mẹ</u>
Công ty TNHH MTV Logistics Vinalink (Cambodia)	Số 144, Đường 169, Sangket Veal Vong, Khan 7 Makara, Phnom Penh, Vương quốc Campuchia	100%	100%

1.4. Công ty liên doanh, liên kết được tổng hợp quyền lợi vào báo cáo tài chính hợp nhất

<u>STT</u>	<u>Tên công ty liên doanh, liên kết</u>	<u>Địa chỉ</u>	<u>Quyền biểu quyết của Công ty</u>	<u>Tỷ lệ lợi ích của Công ty</u>
1.	Công ty Cổ phần Giao Nhận Vận Tải Ngoại Thương	Số 2, Đường Bích Câu, Quốc Tử Giám, Đống Đa, Hà Nội	24,12%	24,12%
2.	Công ty Cổ phần Giao Nhận Vận Tải Miền Trung	Số 184, Đường Trần Phú, Quận Hải Châu, TP. Đà Nẵng	29,28%	29,28%
3.	Công ty TNHH Vận Tải Việt Nhật Konoike Vina	Số 18A, Đường Lưu Trọng Lư, Phường Tân Thuận Đông, Quận 7, TP. Hồ Chí Minh	25,00%	9,15%
4.	Công ty TNHH Dịch Vụ Đại Lý Vận Chuyển	Số 44, Đường Trường Sơn, Phường 2, Quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh	50,00%	51,00%
5.	Công ty TNHH Điều Hành Vận Chuyển Hàng Hóa Liên Kết LCM	Số 30, Đường Phan Thúc Duyệt, Phường 4, Quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh	50,00%	49,00%
6.	Công ty TNHH RCL (Việt Nam)	Số 145-147, Đường Nguyễn Tất Thành, Quận 4, TP. Hồ Chí Minh	33,33%	45,00%
7.	Công ty Cổ phần Logistic Kim Thành	Lô KB13, Đường T5 Khu Thương mại - Công nghiệp Kim Thành, Phường Duyệt Hải, TP. Lào Cai	30%	30%

2. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

2.1. Năm tài chính

Năm tài chính của Tập đoàn từ ngày 01 tháng 01 đến 31 tháng 12 hàng năm.

2.2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là Đồng Việt Nam.

2.3. Nguyên tắc lập báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Logistics Vinalink, báo cáo tài chính công ty con và phần quyền lợi của Công ty trong lãi, lỗ của các công ty liên doanh, liên kết được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu cho giai đoạn tài chính từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 30 tháng 06 năm 2014. Báo cáo tài chính của công ty con đã được lập cho cùng giai đoạn tài chính với Công ty theo các chính sách kế toán thống nhất với các chính sách kế toán của Công ty. Các bút toán điều chỉnh đã được thực hiện đối với bất kỳ chính sách kế toán nào có điểm khác biệt nhằm đảm bảo tính thống nhất giữa công ty con và Công ty.

Tất cả các số dư và các giao dịch nội bộ, kể cả các khoản lãi chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ đã được loại trừ khi hợp nhất. Các khoản lỗ chưa thực hiện được loại trừ trên báo cáo tài chính hợp nhất, trừ trường hợp không thể thu hồi chi phí.

Lợi ích cổ đông thiểu số trong lợi nhuận hoặc lỗ và trong tài sản thuần của công ty con được trình bày riêng biệt, bao gồm lợi ích cổ đông thiểu số tại ngày hợp nhất ban đầu cùng với những thay đổi trong vốn chủ sở hữu của cổ đông thiểu số kể từ ngày hợp nhất.

Tại thời điểm thụ đắc Công ty con, lợi thế thương mại được xác định là khoản chênh lệch giữa các chi phí đầu tư và giá trị thuần của những tài sản thuần có thể xác định. Lợi thế thương mại được trình bày thành một khoản mục riêng biệt trên báo cáo tài chính hợp nhất và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng vào chi phí trong báo cáo tài chính hợp nhất tối đa không quá 10 năm.

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG**3.1. Chế độ kế toán áp dụng**

Công ty áp dụng Chuẩn mực và Chế độ kế toán Việt Nam.

3.2. Hình thức kế toán áp dụng

Tập đoàn áp dụng hình thức kế toán là Nhật ký chung.

3.3. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực và Chế độ kế toán

Công ty tuân thủ Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 25 - "Đầu tư vào công ty con và báo cáo tài chính hợp nhất" để soạn thảo và trình bày các báo cáo tài chính hợp nhất giai đoạn tài chính từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 30 tháng 06 năm 2014.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU**4.1. Các giao dịch bằng ngoại tệ**

- Tập đoàn hạch toán tỷ giá hối đoái theo phương pháp tỷ giá hạch toán.
- Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được hạch toán theo tỷ giá hối đoái vào ngày phát sinh nghiệp vụ. Các khoản chênh lệch tỷ giá phát sinh trong quá trình thanh toán được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ. Số dư các khoản mục tiền, nợ phải thu, nợ phải trả có gốc ngoại tệ, ngoại trừ số dư các khoản trả trước cho người bán bằng ngoại tệ, số dư chi phí trả trước bằng ngoại tệ và số dư doanh thu nhận trước bằng ngoại tệ, được chuyển đổi sang đồng tiền hạch toán theo tỷ giá hối đoái vào ngày lập bảng cân đối kế toán. Chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh do đánh giá lại số dư ngoại tệ cuối kỳ sau khi bù trừ tăng giảm được hạch toán vào kết quả kinh doanh trong kỳ.

CÔNG TY CỔ PHẦN LOGISTICS VINALINK VÀ CÔNG TY CON

Địa chỉ: Số 145 - 147 Nguyễn Tất Thành, Phường 13, Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh

4.2. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển, tiền gửi tiết kiệm, các khoản ký cược, ký quỹ, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn không quá 3 tháng hoặc các khoản đầu tư có tính thanh khoản cao. Các khoản đầu tư có tính thanh khoản cao là các khoản có khả năng chuyển đổi thành các khoản tiền xác định và ít rủi ro trong việc chuyển thành tiền.

4.3. Các khoản phải thu thương mại và phải thu khác

- Nguyên tắc ghi nhận

Các khoản phải thu thương mại và phải thu khác thể hiện giá trị có thể thực hiện được theo dự kiến.

- Nguyên tắc dự phòng phải thu khó đòi

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho các khoản nợ phải thu quá hạn thanh toán hoặc các khoản nợ có bằng chứng chắc chắn là không thu được. Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập phù hợp với hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 của Bộ Tài chính.

Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng phải thu khó đòi được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

4.4. Chi phí chờ phân bổ

Chi phí chờ phân bổ chủ yếu bao gồm chi phí thuê đất và phí thuê văn phòng và được trình bày ở khoản mục chi phí trả trước ngắn hạn trên bảng cân đối kế toán. Các khoản này được phân bổ trong thời gian trả trước của chi phí hoặc trong khoản thời gian mà lợi ích kinh tế được dự kiến tạo ra.

4.5. Tài sản cố định hữu hình

- Nguyên tắc ghi nhận nguyên giá tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được xác định giá trị ban đầu theo nguyên giá. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí liên quan khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

- Phương pháp khấu hao

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng dự tính của tài sản.

Thời gian khấu hao ước tính cho một số nhóm tài sản như sau:

+ Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 25 năm
+ Máy móc, thiết bị	05 - 08 năm
+ Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06 - 11 năm
+ Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 08 năm

CÔNG TY CỔ PHẦN LOGISTICS VINALINK VÀ CÔNG TY CON

Địa chỉ: Số 145 - 147 Nguyễn Tất Thành, Phường 13, Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh

4.6. Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư tài chính

- Các khoản đầu tư vào công ty con được hợp nhất được ghi nhận theo phương pháp vốn chủ sở hữu.
- Các khoản đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết được ghi nhận theo phương pháp vốn chủ sở hữu.
- Các khoản đầu tư dài hạn khác được ghi nhận theo giá gốc.
- Phương pháp lập dự phòng tổn thất đầu tư tài chính khác
 - + Đối với các khoản đầu tư chứng khoán: Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán được trích lập phù hợp với hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 7/12/2009 (Thông tư 228) và Thông tư số 89/2013/TT-BTC ngày 28 tháng 06 năm 2013 sửa đổi, bổ sung Thông tư 228 của Bộ Tài chính. Theo đó, Tập đoàn được phép trích lập dự phòng cho các khoản chứng khoán đầu tư tự do trao đổi có giá trị ghi sổ cao hơn giá thị trường tại ngày kết thúc kỳ kế toán.
 - + Đối với các khoản đầu tư tài chính dài hạn: Dự phòng tổn thất đầu tư tài chính dài hạn được trích lập phù hợp với hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 7/12/2009 (Thông tư 228) và Thông tư số 89/2013/TT-BTC ngày 28 tháng 06 năm 2013 sửa đổi, bổ sung Thông tư 228 của Bộ Tài chính. Theo đó, Tập đoàn phải trích lập dự phòng tổn thất đầu tư tài chính dài hạn nếu tổ chức kinh tế mà Tập đoàn đang đầu tư bị lỗ (trừ trường hợp lỗ theo kế hoạch theo phương án kinh doanh trước khi đầu tư) với mức trích tối đa cho mỗi khoản đầu tư bằng số vốn đã đầu tư.

4.7. Ghi nhận chi phí phải trả

Chi phí phải trả được ghi nhận căn cứ vào các thông tin có được vào thời điểm cuối kỳ và các ước tính dựa vào thống kê kinh nghiệm.

4.8. Lương

Căn cứ trên Quỹ lương được duyệt của Hội đồng quản trị.

4.9. Nguồn vốn chủ sở hữu

- Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.
- Ghi nhận và trình bày cổ phiếu ngân quỹ

Cổ phiếu ngân quỹ được ghi nhận theo giá mua và được trình bày như một khoản giảm vốn chủ sở hữu trên bảng cân đối kế toán hợp nhất.

- Ghi nhận cổ tức

Cổ tức được ghi nhận là một khoản phải trả trong kỳ vào ngày công bố cổ tức.

- Nguyên tắc trích lập các quỹ dự trữ từ lợi nhuận sau thuế

Việc trích lập quỹ được thực hiện theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên của Công ty.

- Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp có thể được chia cho các cổ đông sau khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

CÔNG TY CỔ PHẦN LOGISTICS VINALINK VÀ CÔNG TY CON

Địa chỉ: Số 145 - 147 Nguyễn Tất Thành, Phường 13, Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh

4.10. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu

Doanh thu về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc hoàn thành vào ngày lập bảng cân đối kế toán của kỳ đó.

4.11. Thuế

▪ Thuế thu nhập doanh nghiệp

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN) hiện hành: Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập tính thuế và thuế suất thuế TNDN trong năm hiện hành. Thuế suất thuế TNDN Công ty đang áp dụng là 20% đối với hoạt động kinh doanh chính.

▪ Thuế giá trị gia tăng

Thuế Giá trị gia tăng của các hàng hóa và dịch vụ do Công ty cung cấp được tính theo các mức thuế như sau:

+ Cước vận tải quốc tế	0%
+ Dịch vụ liên quan vận tải đa phương thức	10%

▪ Các loại thuế khác: Áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

Các báo cáo thuế của các Công ty trong Tập đoàn sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, dẫn đến số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất có thể bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

4.12. Công cụ tài chính

▪ Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó.

Tài sản tài chính của Tập đoàn bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngắn hạn, các khoản phải thu ngắn hạn, các khoản đầu tư dài hạn và tài sản tài chính khác.

Công nợ tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc trừ đi các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó.

Công nợ tài chính của Tập đoàn bao gồm các khoản phải trả người bán, phải trả ngắn hạn khác, chi phí phải trả và phải trả dài hạn khác.

▪ Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

4.13. Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định tài chính và hoạt động.

CÔNG TY CỔ PHẦN LOGISTICS VINALINK VÀ CÔNG TY CON

Địa chỉ: Số 145 - 147 Nguyễn Tất Thành, Phường 13, Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

5.1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	VND	
	Cuối kỳ	Đầu năm
Tiền mặt	1.714.060.349	2.525.317.279
Tiền gửi ngân hàng	14.940.064.920	29.137.078.728
Các khoản tương đương tiền	<u>10.864.484.798</u>	<u>10.874.845.649</u>
Tổng cộng	<u>27.518.610.067</u>	<u>42.537.241.656</u>

Các khoản tương đương tiền là các khoản tiền gửi có kỳ hạn dưới 3 tháng tại Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam.

5.2. Các khoản phải thu ngắn hạn

	VND	
	Cuối kỳ	Đầu năm
Phải thu khách hàng	85.634.744.682	65.124.596.541
Trả trước cho người bán	23.361.196.502	20.040.535.289
Các khoản phải thu khác	<u>8.990.117.291</u>	<u>8.678.632.506</u>
Cộng các khoản phải thu ngắn hạn	<u>117.986.058.475</u>	<u>93.843.764.336</u>
Dự phòng phải thu khó đòi	<u>(2.353.478.231)</u>	<u>(2.353.478.231)</u>
Giá trị thuần của các khoản phải thu	<u>115.632.580.244</u>	<u>91.490.286.105</u>

Phải thu khách hàng là các khoản phải thu thương mại phát sinh trong điều kiện kinh doanh bình thường của Tập đoàn. Trong đó, phải thu bên liên quan với số tiền là 110.473.755 đồng (31/12/2013: 16.764.006 đồng) - Xem thêm mục 8.

Khoản trả trước cho người bán chủ yếu là 3 khoản ứng trước sau:

- Khoản chi hộ đại lý nước ngoài với số tiền 10.753.593.148 là đồng.
- Khoản ứng trước 60% giá trị hợp đồng cho Công ty Cổ phần Đầu Tư Xây Dựng Hiệp Phước Khánh về việc thực hiện dịch vụ chuyển nhượng quyền sử dụng đất, xin giấy phép đầu tư xây dựng kho bãi và nhà xưởng tại Xã Phước Hòa, Huyện Tân Thành, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu với số tiền là 3.087.000.000 đồng.
- Khoản ứng trước 18% giá trị hợp đồng cho Công ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Một Thành Viên Phú An Thạnh - Long An về việc thuê quyền sử dụng đất gắn với kết cấu hạ tầng trên đất tại Khu công nghiệp Bắc An Thạnh, Xã An Thạnh, Huyện Bến Lức, Tỉnh Long An với số tiền là 4.886.352.207 đồng.

Các khoản phải thu khác được chi tiết như sau:

	VND	
	Cuối kỳ	Đầu năm
Đầu tư vào 127.132m ² đất ở Nhơn Trạch - Đồng Nai	7.396.356.080	7.396.356.080
Cổ tức, lợi nhuận được chia - Xem thêm mục 8	1.320.000.000	966.122.000
Khác	<u>273.761.211</u>	<u>316.154.426</u>
Cộng	<u>8.990.117.291</u>	<u>8.678.632.506</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN LOGISTICS VINALINK VÀ CÔNG TY CON

Địa chỉ: Số 145 - 147 Nguyễn Tất Thành, Phường 13, Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh

5.3. Tài sản ngắn hạn khác

Là khoản tạm ứng của nhân viên phục vụ cho mục đích kinh doanh của Tập đoàn.

5.4. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

Khoản mục	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	VND
					Tổng cộng
Nguyên giá					
Số dư đầu năm	8.052.973.806	1.668.890.673	20.903.498.884	1.110.970.865	31.736.334.228
Mua trong kỳ	-	-	-	60.360.000	60.360.000
Tăng khác	-	-	5.365.000	4.130.340	9.495.340
Số dư cuối kỳ	8.052.973.806	1.668.890.673	20.908.863.884	1.175.461.205	31.806.189.568
Giá trị hao mòn lũy kế					
Số dư đầu năm	6.347.612.106	902.011.451	11.981.767.746	660.961.206	19.892.352.509
Khấu hao trong kỳ	307.506.804	101.727.864	1.037.866.582	130.903.701	1.578.004.950
Tăng khác	-	-	1.341.261	1.490.722	2.831.984
Số dư cuối kỳ	6.655.118.910	1.003.739.315	13.020.975.589	793.355.629	21.473.189.443
Giá trị còn lại					
Tại ngày đầu năm	1.705.361.700	766.879.222	8.921.731.138	450.009.659	11.843.981.719
Tại ngày cuối kỳ	1.397.854.896	665.151.358	7.887.888.295	382.105.576	10.333.000.125

Nguyên giá của tài sản cố định hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng là 3.865.086.276 đồng.

5.5. Đầu tư tài chính dài hạn

	VND	
	Cuối kỳ	Đầu năm
Đầu tư vào công ty liên kết	49.093.921.327	47.896.297.770
Đầu tư vào công ty liên doanh	28.216.507.060	19.685.182.851
Đầu tư dài hạn khác	<u>726.150.000</u>	<u>726.150.000</u>
Cộng giá gốc các khoản đầu tư dài hạn	78.036.578.387	68.307.630.621
Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn	<u>-</u>	<u>-</u>
Giá trị thuần của đầu tư tài chính dài hạn	78.036.578.387	68.307.630.621

CÔNG TY CỔ PHẦN LOGISTICS VINALINK VÀ CÔNG TY CON

Địa chỉ: Số 145 - 147 Nguyễn Tất Thành, Phường 13, Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh

Đầu tư vào công ty liên kết được chi tiết như sau:

	VND		
	Số lượng cổ phần	Vốn góp theo phương pháp giá gốc đến 30/06/2014	Vốn góp theo phương pháp vốn chủ sở hữu đến 30/06/2014
Công ty Cổ phần Giao Nhận Vận Tải Ngoại Thương (VNT Logistics)	1.320.000	13.200.000.000	24.361.468.194
Công ty Cổ phần Giao Nhận Vận Tải Miền Trung (Vinatrans Đà Nẵng)	439.200	4.392.000.000	6.511.864.133
Công ty Cổ phần Logistic Kim Thành	1.822.059	<u>18.220.589.000</u>	<u>18.220.589.000</u>
Tổng cộng		<u>35.812.589.000</u>	<u>49.093.921.327</u>

Đầu tư vào công ty liên doanh được chi tiết như sau:

	VND		
	Tỷ lệ lợi ích	Vốn góp theo phương pháp giá gốc đến 30/06/2014	Vốn góp theo phương pháp vốn chủ sở hữu đến 30/06/2014
Công ty TNHH Vận Tải Việt Nhật Konoike Vina (Japan)	9,15%	4.908.430.302	7.418.644.403
Công ty TNHH Dịch Vụ Đại Lý Vận Chuyển (Freight Consolidators)	51%	3.680.051.500	6.845.128.078
Công ty TNHH Điều Hành Vận Chuyển Hàng Hóa Liên Kết LCM	49%	3.148.740.000	10.246.230.015
Công ty TNHH RCL (Việt Nam)	45%	<u>2.130.300.000</u>	<u>3.706.504.564</u>
Tổng cộng		<u>13.867.521.802</u>	<u>28.216.507.060</u>

Đầu tư dài hạn khác được chi tiết như sau:

	VND			
	<u>Cuối kỳ</u>		<u>Đầu năm</u>	
	Tỷ lệ góp vốn	Giá trị	Tỷ lệ góp vốn	Giá trị
Công ty TNHH Vận Tải Ô Tô Vinatrans	9,81%	<u>726.150.000</u>	9,81%	<u>726.150.000</u>
Tổng cộng		<u>726.150.000</u>		<u>726.150.000</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN LOGISTICS VINALINK VÀ CÔNG TY CON

Địa chỉ: Số 145 - 147 Nguyễn Tất Thành, Phường 13, Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh

5.6. Phải trả người bán và người mua trả tiền trước

	VND	
	Cuối kỳ	Đầu năm
Phải trả người bán	42.349.149.120	34.362.623.541
Người mua trả tiền trước	<u>17.457.817.848</u>	<u>11.393.171.444</u>
Tổng cộng	<u>59.806.966.968</u>	<u>45.755.794.985</u>

Phải trả người bán là các khoản phải trả thương mại phát sinh trong điều kiện kinh doanh bình thường của Tập đoàn.

5.7. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	VND	
	Cuối kỳ	Đầu năm
Thuế giá trị gia tăng	716.099.485	615.365.730
Thuế thu nhập doanh nghiệp	933.248.559	1.665.310.948
Thuế thu nhập cá nhân	86.929.798	95.068.217
Tiền thuê đất	1.767.709.700	-
Các loại thuế khác	<u>142.025.368</u>	<u>159.822.387</u>
Tổng cộng	<u>3.646.012.910</u>	<u>2.535.567.282</u>

5.8. Phải trả người lao động

Là quỹ lương còn phải trả.

5.9. Phải trả, phải nộp ngắn hạn khác

	VND	
	Cuối kỳ	Đầu năm
Hoa hồng	1.605.944.030	1.548.772.808
Thu hộ	1.546.450.564	-
Lương chưa chi	198.141.809	199.208.299
Phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	<u>454.501.206</u>	<u>47.233.877</u>
Tổng cộng	<u>3.805.037.609</u>	<u>1.795.214.984</u>

5.10. Quỹ khen thưởng phúc lợi

	VND	
	Kỳ này	Kỳ trước
Số dư đầu năm	2.026.945.703	2.580.538.623
Trích lập trong kỳ	4.067.000.000	2.729.408.000
Sử dụng trong kỳ	<u>(793.650.000)</u>	<u>(710.262.000)</u>
Số dư cuối kỳ	<u>5.300.295.703</u>	<u>4.599.684.623</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN LOGISTICS VINALINK VÀ CÔNG TY CON N

Địa chỉ: Số 145 - 147 Nguyễn Tất Thành, Phường 13, Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh

5.11. Vốn chủ sở hữu

5.11.1. Biến động của Vốn chủ sở hữu

	<i>Đơn vị tính: Triệu đồng</i>									
	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Vốn khác của chủ sở hữu	Cổ phiếu quỹ	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	Quỹ đầu tư và phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	Lợi nhuận chưa phân phối	Tổng cộng
Số dư đầu năm trước	90.000	4.950	4.000	-	-	-	-	-	34.713	133.663
Lợi nhuận trong năm trước	-	-	-	-	-	-	-	-	26.519	26.519
Lợi ích liên doanh, liên kết đầu năm phân bổ	-	253	1.000	(197)	17	2.147	120	1.516	11.053	15.909
Chia cổ tức	-	-	-	-	-	-	-	-	(13.500)	(13.500)
Giảm khác	-	-	-	-	-	-	-	-	(7.807)	(7.807)
Số dư đầu năm nay	90.000	5.203	5.000	(197)	17	2.147	120	1.516	50.978	154.784
Lợi nhuận trong kỳ	-	-	-	-	-	-	-	-	15.963	15.963
Lợi ích liên doanh, liên kết phân bổ	-	-	-	-	(40)	-	-	278	5.228	5.466
Chia cổ tức	-	-	-	-	-	-	-	-	(11.700)	(11.700)
Chênh lệch tỷ giá	-	-	-	-	8	-	-	-	(11)	(3)
Tăng khác	-	-	1.000	-	-	-	-	-	-	1.000
Giảm khác	-	-	-	-	-	-	-	-	(5.067)	(5.067)
Số dư cuối kỳ	90.000	5.203	6.000	(197)	(15)	2.147	120	1.794	55.391	160.443

CÔNG TY CỔ PHẦN LOGISTICS VINALINK VÀ CÔNG TY CON

Địa chỉ: Số 145 - 147 Nguyễn Tất Thành, Phường 13, Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh

5.11.2. Cổ phần

	VND	
	Kỳ này	Kỳ trước
Số lượng cổ phần phổ thông đăng ký phát hành	9.000.000	9.000.000
Số lượng cổ phần phổ thông đã bán ra	9.000.000	9.000.000
Số lượng cổ phần phổ thông đang lưu hành	9.000.000	9.000.000
Mệnh giá cổ phần phổ thông đang lưu hành: 10.000 đồng/cổ phần.		

5.11.3. Lãi cơ bản trên cổ phần

	VND	
	Kỳ này	Kỳ trước
Lợi nhuận hợp nhất phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông của Công ty mẹ	15.963.562.648	12.527.189.053
Số lượng cổ phần phổ thông đang lưu hành bình quân gia quyền trong kỳ	<u>9.000.000</u>	<u>9.000.000</u>
Lãi cơ bản trên cổ phần (EPS)	<u>1.774</u>	<u>1.392</u>

5.11.4. Phân phối lợi nhuận

	VND	
	Kỳ này	Kỳ trước
Lợi nhuận chưa phân phối đầu năm	50.977.503.563	34.713.256.681
Lợi nhuận sau thuế trong kỳ	15.963.562.648	12.527.189.053
Lợi ích liên doanh, liên kết phân bổ	5.227.873.666	15.138.708.598
Chia cổ tức	(11.700.000.000)	(7.200.000.000)
Trích lập Quỹ khen thưởng, phúc lợi	(3.600.000.000)	(2.313.929.000)
Trích lập Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ	(1.000.000.000)	(1.000.000.000)
Trích thù lao Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát	(467.000.000)	(415.479.000)
Giảm khác	<u>(10.916.411)</u>	<u>-</u>
Lợi nhuận chưa phân phối cuối kỳ	<u>55.391.023.466</u>	<u>51.449.746.332</u>

(Phần tiếp theo ở trang 24)

CÔNG TY CỔ PHẦN LOGISTICS VINALINK VÀ CÔNG TY CON

Địa chỉ: Số 145 - 147 Nguyễn Tất Thành, Phường 13, Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh

6. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH HỢP NHẤT

6.1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

VND

	Kỳ này	Kỳ trước
Doanh thu phòng hàng không	67.218.463.726	65.327.835.638
Doanh thu phòng đường biển	41.206.876.240	47.056.457.547
Doanh thu phòng logistics	26.226.182.657	27.605.048.160
Doanh thu chi nhánh Hà Nội	148.766.724.767	90.768.678.797
Doanh thu chi nhánh Hải Phòng	24.943.895.662	20.904.718.205
Doanh thu Công ty con	<u>808.780.698</u>	<u>219.792.998</u>
Doanh thu thuần	<u>309.170.923.750</u>	<u>251.882.531.345</u>

6.2. Giá vốn hàng bán

VND

	Kỳ này	Kỳ trước
Giá vốn phòng hàng không	63.473.389.728	61.446.315.275
Giá vốn phòng đường biển	36.767.546.577	44.176.747.469
Giá vốn phòng logistics	21.967.621.130	22.868.992.218
Giá vốn chi nhánh Hà Nội	146.242.920.045	88.289.111.908
Giá vốn chi nhánh Hải Phòng	24.181.100.493	20.561.577.415
Giá vốn Công ty con	<u>866.740.600</u>	<u>1.153.826.595</u>
Tổng cộng	<u>293.499.318.573</u>	<u>238.496.570.880</u>

6.3. Doanh thu hoạt động tài chính

VND

	Kỳ này	Kỳ trước
Lãi chênh lệch tỷ giá	5.824.002.783	3.846.167.477
Cổ tức, lợi nhuận được chia	-	680.000.430
Lãi tiền gửi ngân hàng	162.920.331	174.874.866
Khác	<u>-</u>	<u>31.137.785</u>
Tổng cộng	<u>5.986.923.114</u>	<u>4.732.180.558</u>

6.4. Chi phí tài chính

Là khoản lỗ chênh lệch tỷ giá.

CÔNG TY CỔ PHẦN LOGISTICS VINALINK VÀ CÔNG TY CON

Địa chỉ: Số 145 - 147 Nguyễn Tất Thành, Phường 13, Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh

6.5. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	VND	
	Kỳ này	Kỳ trước
Chi phí nhân viên	3.344.702.119	2.434.045.613
Chi phí vật liệu	335.233.186	290.386.089
Chi phí đồ dùng văn phòng	117.092.442	139.586.653
Chi phí khấu hao tài sản cố định	239.263.650	282.153.378
Thuế, phí và lệ phí	26.580.109	192.150.051
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.667.087.578	2.090.293.612
Chi phí quản lý khác	<u>594.365.388</u>	<u>679.206.973</u>
Tổng cộng	<u>6.324.324.472</u>	<u>6.107.822.369</u>

6.6. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	VND	
	Kỳ này	Kỳ trước
Chi phí nhân công	18.824.160.897	18.311.850.484
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.578.004.950	1.596.805.810
Chi phí dịch vụ mua ngoài	227.189.658.169	205.525.670.338
Chi phí khác bằng tiền	<u>57.857.156.766</u>	<u>19.170.066.617</u>
Tổng cộng	<u>305.448.980.782</u>	<u>244.604.393.249</u>

(Phần tiếp theo ở trang 26)

CÔNG TY CỔ PHẦN LOGISTICS VINALINK VÀ CÔNG TY CON

Địa chỉ: Số 145 -147 Nguyễn Tất Thành, Phường 13, Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh

7. BÁO CÁO BỘ PHẬN

Nhằm phục vụ mục đích quản lý, Tập đoàn phân chia hoạt động của mình thành các bộ phận chính theo khu vực địa lý như sau:

- Thành phố Hồ Chí Minh
- Thành phố Hà Nội
- Khác bao gồm: Thành phố Hải Phòng và Vương quốc Campuchia

Cho giai đoạn tài chính từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 30 tháng 06 năm 2014

	<i>Đơn vị tính: triệu đồng</i>									
	Hồ Chí Minh		Hà Nội		Khác		Loại trừ		Tổng cộng	
	Kỳ này	Kỳ trước	Kỳ này	Kỳ trước	Kỳ này	Kỳ trước	Kỳ này	Kỳ trước	Kỳ này	Kỳ trước
Doanh thu hợp nhất										
Từ khách hàng bên ngoài	134.652	139.990	148.767	90.769	25.752	21.124	-	-	309.171	251.883
Giữa các bộ phận	71	55	-	-	908	1.580	(979)	(1.635)	-	-
Tổng cộng	134.723	140.045	148.767	90.769	26.660	22.704	(979)	(1.635)	309.171	251.883
Kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất										
Kết quả của bộ phận	6.187	4.733	2.524	2.479	636	66	-	-	9.347	7.278
Lợi nhuận trước thuế, trước thu nhập tài chính và chi phí tài chính									9.347	7.278
Thu nhập tài chính									5.987	4.732
Chi phí tài chính									(5.594)	(4.992)
Lợi nhuận khác									(31)	282
Phần lợi nhuận trong công ty liên kết, liên doanh									8.045	7.043
Thuế thu nhập doanh nghiệp									(1.791)	(1.816)
Lợi nhuận hợp nhất sau thuế									15.963	12.527

CÔNG TY CỔ PHẦN LOGISTICS VINALINK VÀ CÔNG TY CON

Địa chỉ: Số 145 -147 Nguyễn Tất Thành, Phường 13, Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh

Các thông tin khác*Đơn vị tính: triệu đồng*

	Hồ Chí Minh		Hà Nội		Khác		Loại trừ		Tổng cộng	
	Cuối kỳ	Đầu năm	Cuối kỳ	Đầu năm	Cuối kỳ	Đầu năm	Cuối kỳ	Đầu năm	Cuối kỳ	Đầu năm
Tài sản của bộ phận	162.601	162.312	51.770	41.771	35.084	25.396	(10.438)	(10.641)	239.017	218.838
Tổng tài sản hợp nhất	162.601	162.312	51.770	41.771	35.084	25.396	(10.438)	(10.641)	239.017	218.838
Nợ phải trả của bộ phận	33.585	30.191	48.792	37.966	6.635	6.538	(10.438)	(10.641)	78.574	64.054
Tổng nợ phải trả hợp nhất	33.585	30.191	48.792	37.966	6.635	6.538	(10.438)	(10.641)	78.574	64.054

Đơn vị tính: triệu đồng

	Hồ Chí Minh		Hà Nội		Khác		Loại trừ		Tổng cộng	
	Kỳ này	Kỳ trước	Kỳ này	Kỳ trước	Kỳ này	Kỳ trước	Kỳ này	Kỳ trước	Kỳ này	Kỳ trước
Chi phí mua sắm tài sản	60	14	-	-	-	677	-	-	60	691
Chi phí khấu hao	1.142	1.142	113	67	323	388	-	-	1.578	1.597

Tập đoàn không có báo cáo bộ phận theo ngành nghề vì Tập đoàn hiện chỉ đang hoạt động theo ngành nghề giao nhận vận tải, do đó không có sự khác nhau về rủi ro và lợi ích kinh tế theo ngành nghề cần thiết phải thuyết minh.

CÔNG TY CỔ PHẦN LOGISTICS VINALINK VÀ CÔNG TY CON

Địa chỉ: Số 145 -147 Nguyễn Tất Thành, Phường 13, Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh

8. THÔNG TIN VỀ CÁC BÊN CÓ LIÊN QUAN

- Theo quy định của Chuẩn mực kế toán Việt Nam, các bên sau đây được xem là có liên quan với Tập đoàn:

<u>Tên các bên liên quan</u>	<u>Mối quan hệ</u>
1. Công ty Cổ phần Giao Nhận Vận Tải Ngoại Thương (VNT Logistics)	Công ty liên kết
2. Công ty Cổ phần Giao Nhận Vận Tải Miền Trung (Vinatrans Đà Nẵng)	Công ty liên kết
3. Công ty Cổ phần Logistic Kim Thành	Công ty liên kết
4. Công ty TNHH Vận Tải Việt Nhật Konoike Vina (Japan)	Công ty liên doanh
5. Công ty TNHH Dịch Vụ Đại Lý Vận Chuyển (Freight Consolidators)	Công ty liên doanh
6. Công ty TNHH Điều Hành Vận Chuyển Hàng Hóa Liên Kết LCM	Công ty liên doanh
7. Công ty TNHH RCL (Việt Nam)	Công ty liên doanh
8. Thành viên Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc	Nhân viên quản lý chủ chốt

- Tại ngày lập bảng cân đối kế toán, số dư với các bên liên quan như sau:

	Cuối kỳ	Đầu năm
Phải thu khách hàng - Xem thêm mục 5.2	110.473.755	16.764.006
Phải thu khác - Xem thêm mục 5.2	1.320.000.000	966.122.000

- Bản chất các giao dịch quan trọng và giá trị giao dịch trong kỳ như sau:

	Kỳ này	Kỳ trước
Góp vốn	-	4.899.983.500
Cung cấp dịch vụ	964.349.872	926.895.197
Sử dụng dịch vụ	538.173.873	1.133.184.520

- Thù lao Hội đồng quản trị và Thu nhập của Ban Tổng Giám đốc:

	Kỳ này	Kỳ trước
Thù lao Hội đồng quản trị	271.500.000	146.000.000
Thu nhập của Ban Tổng Giám đốc Công ty	1.244.885.808	1.124.740.400
Tổng cộng	1.516.385.808	1.270.740.400

CÔNG TY CỔ PHẦN LOGISTICS VINALINK VÀ CÔNG TY CON

Địa chỉ: Số 145 -147 Nguyễn Tất Thành, Phường 13, Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh

9. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

- Quản lý rủi ro vốn

Tập đoàn quản lý nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Tập đoàn có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Tập đoàn gồm có các khoản nợ thuần, phần vốn thuộc sở hữu của các cổ đông (bao gồm vốn góp, các quỹ dự trữ và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối).

- Các chính sách kế toán chủ yếu

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp kế toán mà Tập đoàn áp dụng đối với từng loại tài sản tài chính và công nợ tài chính được trình bày tại Thuyết minh số 4.12.

- Các loại công cụ tài chính

VND

	Giá trị ghi sổ	
	30/06/2014	01/01/2014
Tài sản tài chính		
Tiền và các khoản tương đương tiền	27.518.610.067	42.537.241.656
Phải thu khách hàng và phải thu khác	84.601.266.451	63.737.240.310
Đầu tư dài hạn khác	726.150.000	726.150.000
Tài sản tài chính khác	445.544.000	438.144.000
Tổng cộng	113.291.570.518	107.438.775.966
Công nợ tài chính		
Phải trả người bán và phải trả ngắn hạn khác	43.955.093.150	35.911.396.349
Chi phí phải trả	4.881.567.364	4.185.652.107
Phải trả dài hạn khác	133.776.000	236.766.360
Tổng cộng	48.970.436.514	40.333.814.816

Hiện nay, do Thông tư 210/2009/TT-BTC, ngày 06 tháng 11 năm 2009 (Thông tư 210) cũng như các quy định hiện hành chưa có những hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính nên Tập đoàn không thể đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc niên độ kế toán. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế.

- Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro tỷ giá, rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản và rủi ro lãi suất của dòng tiền. Hiện nay, do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính này nên Tập đoàn không thể thực hiện các biện pháp phòng ngừa các rủi ro này.

CÔNG TY CỔ PHẦN LOGISTICS VINALINK VÀ CÔNG TY CON

Địa chỉ: Số 145 -147 Nguyễn Tất Thành, Phường 13, Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh

▪ Rủi ro tỷ giá

Tập đoàn đã thực hiện một số các giao dịch có gốc ngoại tệ, theo đó, Tập đoàn sẽ chịu rủi ro khi có biến động về tỷ giá. Hiện nay, do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính này nên Tập đoàn không thể thực hiện các biện pháp phòng ngừa các rủi ro này.

Giá trị ghi sổ theo nguyên tệ của các tài sản bằng tiền và công nợ phải trả có gốc bằng ngoại tệ tại thời điểm cuối kỳ như sau:

	Công nợ		Tài sản	
	30/06/2014	01/01/2014	30/06/2014	01/01/2014
Đô la Mỹ (USD)	1.083,50	4.386,90	1.613.773,47	1.678.228,80

▪ Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Tập đoàn. Tập đoàn có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Tập đoàn có chịu rủi ro tín dụng hay không. Công ty không có bất kỳ rủi ro tín dụng trọng yếu nào với các khách hàng hoặc đối tác bởi vì các khoản phải thu đến từ một số lượng lớn khách hàng hoạt động trong nhiều ngành khác nhau và phân bố ở các khu vực địa lý khác nhau.

▪ Quản lý rủi ro thanh khoản

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Tập đoàn quản lý nhằm đảm bảo rằng mức chênh lệch cao hơn giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong năm được duy trì ở mức có thể được kiểm soát mà Tập đoàn tin rằng có thể tạo ra một khoản vốn tương ứng trong năm đó. Chính sách của Tập đoàn là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo rằng Tập đoàn duy trì đủ nguồn tiền từ tiền mặt, các khoản nợ và vốn mà các chủ sở hữu cam kết góp nhằm đáp ứng các yêu cầu về tính thanh khoản trong ngắn hạn và dài hạn hơn.

Bảng dưới đây được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày đáo hạn sớm nhất mà Tập đoàn phải trả.

				VND
30/06/2014	Dưới 1 năm	Trên 1 năm	Tổng cộng	
Phải trả người bán và phải trả ngắn hạn khác	43.955.093.150	-	43.955.093.150	
Chi phí phải trả	4.881.567.364	-	4.881.567.364	
Phải trả dài hạn khác		133.776.000	133.776.000	
				VND
01/01/2014	Dưới 1 năm	Trên 1 năm	Tổng cộng	
Phải trả người bán và phải trả ngắn hạn khác	35.911.396.349	-	35.911.396.349	
Chi phí phải trả	4.185.652.107	-	4.185.652.107	
Phải trả dài hạn khác	-	236.766.360	236.766.360	

CÔNG TY CỔ PHẦN LOGISTICS VINALINK VÀ CÔNG TY CON

Địa chỉ: Số 145 -147 Nguyễn Tất Thành, Phường 13, Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh

Ban Tổng Giám đốc đánh giá mức tập trung rủi ro thanh khoản là thấp. Ban Tổng Giám đốc tin tưởng rằng Tập đoàn có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

Bảng sau đây trình bày chi tiết mức đáo hạn cho tài sản tài chính phi phái sinh. Bảng này được lập trên cơ sở mức đáo hạn theo hợp đồng chưa chiết khấu của tài sản tài chính gồm lãi từ các tài sản đó, nếu có. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Tập đoàn vì tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

			VND
30/06/2014	Dưới 1 năm	Trên 1 năm	Tổng cộng
Phải thu khách hàng và phải thu khác	84.601.266.451	-	84.601.266.451
Đầu tư dài hạn khác	-	726.150.000	726.150.000
Tài sản tài chính khác	-	445.544.000	445.544.000
01/01/2014	Dưới 1 năm	Trên 1 năm	Tổng cộng
Phải thu khách hàng và phải thu khác	63.737.240.310	-	63.737.240.310
Đầu tư dài hạn khác	-	726.150.000	726.150.000
Tài sản tài chính khác	-	438.144.000	438.144.000

10. CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC GIAI ĐOẠN TÀI CHÍNH

Không có các sự kiện quan trọng xảy ra sau ngày kết thúc giai đoạn tài chính đến ngày phát hành báo cáo tài chính hợp nhất.

11. PHÊ DUYỆT PHÁT HÀNH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Báo cáo tài chính hợp nhất cho giai đoạn tài chính từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 30 tháng 06 năm 2014 được Tổng Giám đốc Công ty phê duyệt và phát hành vào ngày 25 tháng 08 năm 2014.

TP. Hồ Chí Minh, ngày 25 tháng 08 năm 2014

NGƯỜI LẬP BIỂU

KẾ TOÁN TRƯỞNG

TỔNG GIÁM ĐỐC



LÊ THỊ THANH THANH

TRẦN THỊ BÌNH

NGUYỄN NAM TIẾN